

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ BA
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng đường tuần tra biên giới đất liền giai đoạn 2006 - 2010 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 50,11 ha rừng (27,56 ha rừng tự nhiên, 22,55 ha rừng trồng) sang thực hiện 02 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

1. Dự án đầu tư công khẩn cấp: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Bản Máy.

a) Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 2,45 ha.

b) Loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất; nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên.

c) Địa điểm thực hiện: Xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang.

d) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

2. Dự án Đường tuần tra biên giới trên địa bàn Quân khu 2; Dự án thành phần 2: Đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2 (khu vực mốc 180 đến mốc 230).

a) Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 47,66 ha.

b) Loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất; nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên, rừng trồng.

c) Địa điểm thực hiện: Tại các xã Thàng Tín, Bản Máy, Xín Mần, Pà Vầy Sủ - tỉnh Tuyên Quang.

d) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đường tuần tra biên giới Quân khu 2.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

Phụ lục 1**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư công khẩn cấp: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Bản Máy***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: ha*

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Loại rừng	Nguồn gốc hình thành	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Thuộc lô 31, khoảnh 9; lô 22, 36, khoảnh 10 - tiểu khu 170A xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang	1,14	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên núi đất - TXN)	
2	Thuộc lô 19, 25, 30, 35, 47, khoảnh 9; lô 18, 28, khoảnh 10 - tiểu khu 170A xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang	1,31	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên núi đất - TXN)	
	Tổng cộng	2,45			

Phụ lục 2

**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường tuần tra biên giới trên địa bàn Quân khu 2;
Dự án thành phần 2: Đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang/Quân khu 2 (khu vực mốc 180 đến mốc 230)**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Loại rừng	Nguồn gốc hình thành	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang				
1	- Tiểu khu 170: Thuộc các lô 13, 16, 19, 36, 39, khoảnh 2; lô 1, 7, 10, 11, 23, 27, 28, 29, 31, 32, 33, khoảnh 3; 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10, khoảnh 6; lô 1, 2, 4, 8, 9, 11, khoảnh 8; lô 11, 12, khoảnh 11; lô 1, khoảnh 19. - Tiểu khu 170A: Thuộc các lô 14, 16, 17, 18, 20, 22, 23, 24, khoảnh 10; lô 1, 2, 4, khoảnh 12; lô 1, 2, 25, 27, 28, 29, khoảnh 13.	10,05	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên nghèo kiệt - TXK)	
2	Tiểu khu 170A: Thuộc các lô 3, 4, khoảnh 5.	0,35	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên nghèo kiệt - TXK)	
3	- Tiểu khu 170: Thuộc các lô 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 37, 38, 42, khoảnh 2; lô 7, khoảnh 8; lô 2, khoảnh 9; lô 1, 2, khoảnh 10; lô 4, khoảnh 11. - Tiểu khu 170A: Thuộc các lô 1, 8, 13, 15, 19, 20, khoảnh 1; lô 2, 3, 4, 5, 6, 7, khoảnh 2; lô 7, 8, 12, 16, khoảnh 7; lô 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, khoảnh 10; lô 3, 6 Khoảnh 12; lô 3, 4, 7, 8, 10, 12, 16, 17, khoảnh 13.	10,43	Rừng phòng hộ	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Loại rừng	Nguồn gốc hình thành	Ghi chú
II	Xã Thành Tín, tỉnh Tuyên Quang				
1	<p>- Tiểu khu 188: Thuộc các lô 13, khoảnh 1; lô 16, 19, 20, 21, 24, 25, khoảnh 5; lô 1, 2, khoảnh 6; lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 15, 16, 17, 18, khoảnh 9; lô 2, khoảnh 10; lô 1, 2, 4, 5, 9, 13, 14, 20, 21, khoảnh 11.</p> <p>- Tiểu khu 188A: Thuộc lô 2, khoảnh 2.</p> <p>- Tiểu khu 188B: Thuộc các lô 1, 2, 3, 4, 5, khoảnh 1; lô 1, 2, khoảnh 2; lô 1, khoảnh 4.</p>	8,06	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên nghèo kiệt - TXK)	
2	Tiểu khu 188: Thuộc các lô 17, khoảnh 1; lô 1, 3, 13, 14, khoảnh 3; lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, khoảnh 4; lô 3, 4, khoảnh 8; lô 1, 3, khoảnh 10.	3,74	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên nghèo kiệt - TXK, rừng hỗn giao gỗ - HG)	
3	Tiểu khu 188: Thuộc các lô 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 15, khoảnh 2; lô 5, 6, 8, 9, 11, 13, khoảnh 5; lô 8, 11, 12, 26, khoảnh 11.	5,31	Rừng phòng hộ	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Loại rừng	Nguồn gốc hình thành	Ghi chú
4	Tiểu khu 188: Thuộc các lô 15, 16, khoảnh 3; lô 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 19, khoảnh 4, lô 15, khoảnh 5; lô 5, 7, khoảnh 8; lô 10, 15, 16, 31, khoảnh 11.	2,39	Rừng sản xuất	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	
III	Xã Xín Mần, tỉnh Tuyên Quang				
1	- Tiểu khu 173: Thuộc các lô 1, khoảnh 2; lô 8, 11, 12, 13, 15, 18, khoảnh 4; lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, khoảnh 7; lô 10, 11, 13, 15, khoảnh 8. - Tiểu khu 175: Thuộc các lô 13, 14, khoảnh 1.	2,91	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên (Rừng tự nhiên nghèo kiệt - TXK)	
2	- Tiểu khu 173: Thuộc các lô 7, 8, 14, khoảnh 8; (gồm các lô 1, 2, 4, khoảnh 9). - Tiểu khu 175: Thuộc các lô 11, khoảnh 1; lô 5, 8, 10, 13, khoảnh 4; lô 1, 2, 3, 4, khoảnh 5; lô 2, khoảnh 9; lô 3, 4, 5, 6, khoảnh 10 .	4,32	Rừng phòng hộ	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	
3	Tiểu khu 175: Thuộc lô 4, khoảnh 4.	0,03	Rừng sản xuất	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	
IV	Xã Pà Vầy Sủ, tỉnh Tuyên Quang				
1	Tiểu khu 178: Thuộc các lô 4, 5, 6, khoảnh 4; lô 3, khoảnh 6a.	0,07	Rừng phòng hộ	Rừng trồng (Rừng gỗ trồng núi đất - TG)	
	Tổng cộng	47,66			